

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2019

V/v: Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và bà Lê Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 54/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/7/2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Thu H (tên gọi khác Trịnh Thu H), sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn 1 (thôn Đội cũ), xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lã Văn H, sinh năm 1976; nơi ĐKKHKT: Thôn 1 (thôn Đội cũ), xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Th. (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trịnh Thị Thu H trình bày: Chị và anh Anh Lã Văn H kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2002, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H đi làm nhưng không mang tiền về, thường xuyên chơi cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con để chị phải nuôi con một mình, kinh tế vợ chồng ngày càng khó khăn. Chị đã khuyên bảo nhưng anh H không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi

nhau, cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến năm 2014, do vi phạm pháp luật nên anh H đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, hiện anh H đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, tỉnh Th, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lã Văn H.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2019, bị đơn - anh Lã Văn H trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Thu H (tên gọi khác Trịnh Thu H) tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chơi cờ bạc, không quan tâm gì đến vợ con, anh đi làm nhưng không mang tiền về cho chị H nuôi con mà chơi cờ hết, kinh tế vợ chồng rất khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến năm 2014, do anh vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Th, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị H. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa, không thể có mặt tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án được nên anh đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về con chung: Chị H và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lã Diệu L, sinh ngày 12/01/2004 và cháu Lã Hoàng H, sinh ngày 07/06/2005, hiện cả hai cháu đều đang ở với chị H. Ly hôn, anh chị đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị H, anh H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS; chị Hà và anh Hiền đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS, anh Hiền có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thu H và anh Lã Văn H; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lã Diệu L, sinh ngày 12/01/2004 và cháu Lã Hoàng H, sinh ngày 07/06/2005, anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H; án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam nhận định:

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Thu H (tên gọi khác Trịnh Thu H) và anh Lã Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 10/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, anh H đi làm nhưng không mang tiền về cho chị H nuôi con, kinh tế khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến năm 2014, do anh H vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, trong thời gian anh H chấp hành án tại trại giam Thanh Phong thì chị H cũng nhiều lần đến thăm nom, song sau khi nói chuyện thì cả hai vẫn không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn tình cảm với nhau nữa, khả năng đoàn tụ là khó. Do điều kiện anh H đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vào ngày 23/7/2019. Vì vậy, xử cho chị H được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H có hai con chung là cháu Lã Diệu L, sinh ngày 12/01/2004 và cháu Lã Hoàng H, sinh ngày 07/06/2005, hiện cả hai cháu đều đang ở với chị H. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, kể từ khi anh H đi chấp hành án tại trại giam thì các cháu đều do chị H nuôi dưỡng, được chị H chăm sóc chu đáo, phát triển bình thường và có sức khỏe tốt; chị H có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Tại lời khai thì cả cháu L và cháu H đều có nguyện vọng được ở với chị H, bản thân anh H đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như đóng góp tiền cấp dưỡng cho các cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định của các cháu, cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu L và cháu H, anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H, anh H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị Thu H (tên gọi khác Trịnh Thu H) và anh Lã Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lã Diệu L, sinh ngày 12/01/2004 và cháu Lã Hoàng H, sinh ngày 07/06/2005, anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L và cháu H cùng chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu L và cháu H.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002440 ngày 02/7/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải nộp. (Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An Nội, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Ngân

(Đã ký)